

CÔNG NGHIỆP HOÀNG PHÁP CỦA TỔ SƯ ĐẠO MINH - PHỔ TỊNH TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN THIỀN PHÁI LIỄU QUÁN

THÍCH PHƯỚC ĐẠT*

Tóm tắt: Kể từ khi Thiền phái Liễu Quán thành lập, chư tổ sư kế thừa đã nỗ lực Việt hóa, hoàng dương chánh pháp, đem đạo vào đời. Theo dòng chảy thời gian, Thiền phái đã lan tỏa khắp nơi và có đóng góp lớn cho đạo pháp và dân tộc. Trong sự truyền đăng tục diệm, tổ Đạo Minh - đệ tử thế hệ thứ tư của Thiền phái Liễu Quán đã trở thành bậc long tượng, nổi gót tông phong, dẫn thân phụng đạo, đào tạo tăng tài, thu nhiếp tín đồ tại gia hộ đạo, chấn hưng Phật giáo Thuận Hóa. Dấu ấn tư tưởng hành đạo của tổ Đạo Minh là di sản để lại 28 bài thi kệ phú pháp cho hàng đệ tử. Các bài đó không chỉ có giá trị về tư tưởng truyền đăng tục diệm mà còn đóng góp cho nền văn học thiền tông Việt Nam. Kế thừa tư tưởng hành đạo của tổ Đạo Minh, con cháu của ngài đã xiển dương giáo pháp, trở thành một trong những Thiền phái nòng cốt, có đóng góp lớn cho sự phát triển Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Từ Khóa: Tổ sư Đạo Minh, Thiền phái Liễu Quán, Phật giáo Thuận Hóa

Abstract: Since the establishment of the Lieu Quan Zen sect, the successor masters have made efforts to Vietnamize, propagate the Dharma, and bring the Dharma to life. Over the course of time, the Zen sect has spread everywhere and made great contributions to Dharma and the nation. In the tradition of transmission, patriarch Đạo Minh - fourth generation disciple of the Lieu Quan Zen sect became a great figure, following in the footsteps of the sect, committed to serving the religion, training talented monks, and recruiting lay followers, protect and revive Thuan Hoa Buddhism. The mark of the Đạo Minh patriarch's ideology and practice is to leave a legacy of 28 Dharma-transmitting verses for his disciples. Those verses are not only valuable in terms of the ideology of transmission, but also contribute to Vietnamese Zen literature. Inheriting the religious ideology of Đạo Minh, his descendants have promoted the Dharma, becoming one of the core Zen sects, making great contributions to the development of Vietnamese Buddhism through historical periods.

Keywords: Đạo Minh patriarch, Lieu Quan Zen sect, Thuan Hoa Buddhism

1. Đặt vấn đề

Phật giáo du nhập vào nước ta từ thế kỷ I sau công nguyên, quá trình tiếp biến và hội nhập diễn ra liên tục qua từng thời kỳ lịch sử của đất nước để hình thành một đạo Phật Việt Nam, được xây dựng trên nền tảng văn hóa tín ngưỡng người Việt Nam. Nói cách khác, đây là quá trình bản địa hóa đạo Phật đã làm nên bản sắc Phật giáo gắn bó cùng dân tộc trong tiến trình dựng nước và giữ nước.

Đến thời Trần, các thiền sư đã lập nên dòng thiền Trúc Lâm góp phần phục hưng văn hóa Đại Việt. Vào thời Lê - Nguyễn, các tông môn thiền Lâm Tế, Tào Động Việt Nam ngộ đạo đã nỗ lực Việt hóa, góp phần cùng nhà Nguyễn hoàn thành công cuộc mở cõi phương Nam. Chính trong cuộc hành trình này, mỗi giai đoạn, mỗi

* TS., Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh

thời kỳ đều xuất hiện những con người làm nên lịch sử hào hùng của dân tộc gắn liền với lịch sử Phật giáo Việt Nam. Bài viết tập trung nói về công nghiệp hoàng pháp của Tổ sư Đạo Minh - Phổ Tịnh đối với sự phát triển Thiền phái Liễu Quán từ đó trở về sau.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn để Thiền phái Liễu Quán phát triển

Nước Đại Việt vào thế kỷ XVII quá nhiều biến động đã làm cho dân tình chìm đắm trong loạn lạc, dẫn đến cuộc nội chiến Đàng Trong và Đàng Ngoài vào năm 1672. Từ đó, Đàng Ngoài lo củng cố chính quyền, trấn áp nhà Mạc. Đàng Trong các chúa Nguyễn mở rộng cương vực về phía Nam làm chủ đến tận Cà Mau vào năm 1698. Các chúa Nguyễn đã chủ trương khai hoang, lập làng, phát triển

kinh tế, trên nền tảng lấy tư tưởng Phật giáo để thiết lập trật tự xã hội, tạo sự bình an cho dân chúng. Đồng thời, các chúa Nguyễn đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các vị thiền sư Trung Quốc đến Đàng Trong hành đạo. Từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, từ Thuận Hoá vào đến Cà Mau, đã có nhiều ngôi tổ đình lớn được xây dựng để hoàng pháp.

Các thiền sư Thiền phái Lâm Tế nỗ lực Việt hóa phương thức hành đạo phù hợp với tín ngưỡng tâm linh người Việt. Theo thiền sử, sau khi được tổ sư Tử Dung Thiền phái Lâm Tế đời thứ 34 khả chứng, thiền sư Liễu Quán đã khai sáng dòng thiền mới mang sắc thái riêng của người Việt, với tên gọi là Thiền phái Liễu Quán với kệ truyền thừa:

Nguyên văn chữ Hán	Phiên âm	Dịch nghĩa
實際大道	Thiệt tế đại đạo	Đường lớn thực tại
性海清澄	Tánh hải thanh trừng	Biển thể tính trong
心源廣潤	Tâm nguyên quảng nhuận	Nguồn tâm thấm khắp
德本慈風	Đức bản từ phong	Gốc đức vun trồng
戒定福慧	Giới định phước huệ	Giới định phước huệ
體用圓通	Thể dụng viên thông	Thể dụng viên thông
永超智果	Vĩnh siêu trí quả	Quả trí siêu việt
密契成功	Mật khế thành công	Hiệu thông nên công
傳持妙理	Truyền trì diệu lý	Truyền giữ lý mẫu
演昌正宗	Diễn xương chánh tông	Tuyên dương chính tông
行解相應	Hành giải tương ưng	Hành giải song song
達悟真空	Đạt ngộ chân không	Đạt ngộ chân không). ¹

(Thích Nhất Hạnh dịch)

Theo các nhà nghiên cứu tôn giáo, một tông phái mới ra đời thì cần hội tụ đủ các thành tố: Người khai sáng, tôn chỉ, hệ thống giáo lý, hình thức nghi lễ tín đồ². Thiền phái Liễu Quán ra đời theo mô hình

như thế. Về mặt lý luận và thực tiễn, Thiền phái này thực chất đã đáp ứng nhu cầu của lịch sử, nó cũng nhanh chóng trở thành Thiền phái có sức thuyết phục quần chúng Phật tử người Việt Nam.

2.1. Về người khai sáng

Điểm ưu việt nhất của dòng thiền Liễu Quán là do người Việt sáng lập. Đó chính là tổ Liễu Quán (1667-1742) quê gốc ở Bạc Mã, Đồng Xuân, Phú Yên xuất hiện trong giới đàn Thiền Lâm năm 1695 để thọ giới Sa di; hai năm sau, ngài lại có mặt tại giới đàn Từ Lâm để thọ tỷ kheo. Và hình ảnh ngài cũng thấp thoáng khi thì ở với ngài Tế Viên, lúc theo học ngài Giác Phong, rồi đắc pháp với ngài Từ Dung. Như vậy, ngài vào đạo theo thiền Lâm Tế, nhưng lại thọ Sa di theo tông Tào Động, sau đó thọ Tỷ kheo và đắc pháp với thiền Lâm Tế. Điều ngài quan tâm không phải là Lâm Tế hay Tào Động, mà là một tư tưởng chung đạo Phật, đi vào đạo giải thoát.

Ý chí học đạo của Tổ Liễu Quán được thể hiện trong văn bia: “Sắc tứ Lâm Tế chánh tông, đệ tam thập ngũ thế, Liễu Quán Hoà thượng, thụ Chánh Giác Viên Ngộ Hoà thượng bi minh/ 勅賜臨濟正宗第三十五世了觀和尚謚正覺圓悟和尚碑銘: hà pháp tối vi đệ nhất ngã quyết xả thân mạng y pháp tu hành/ 何法最為第一我決捨身命依法修行 (Có pháp gì cao siêu nhất ta quyết bỏ thân mạng để theo pháp đó tu hành)³ gọi cho hậu thế nhớ lại hạnh nguyện của Nhị tổ Pháp Loa thời Trúc Lâm Nhị tổ nói: “謂諸佛菩薩所有行願皆願學之。一切眾生, 或讚毀, 或敬慢, 或施與, 或侵奪, 觸目聞名, 皆度之令登菩提。/ Chư Phật và chư Bồ tát có những hạnh nguyện nào, tôi đều thiết tha xin học và làm theo. Dù chúng sinh có khen chê khinh trọng, dù bô thí hay xâm đoạt, thì khi mắt thấy tai nghe cũng đều xin cứu độ khiến cho tất cả đều lên được nấc thang giác ngộ)⁴. Phải chăng tư tưởng chủ đạo của chư tổ thiền Việt Nam đều là khát khao cầu học để bồi bổ cho văn hoá dân tộc?

2.2. Về tôn chỉ của Thiền phái

Tôn chỉ của Thiền phái Liễu Quán hẳn nhiên là thấy tánh thành Phật như các Thiền phái khác, nhưng điểm khác biệt có thể hiểu từ tuyên ngôn bài kệ của tổ Liễu Quán nói trên. Đây chính là lộ trình tu tập tự chứng tự nội, khởi đầu giác tỉnh nội quán, nội tâm thanh tịnh, hành trì giới định tuệ, công phu viên dung, truyền trao chánh pháp, thành tựu đạo quả “Đạt ngộ chân không”, theo như đức Thế tôn, đây là con đường độc nhất đưa đến đạo lộ chứng đắc Niết bàn.

Tôn chỉ này phù hợp tâm thức người Việt, là cụ thể hóa lộ trình tu tập qua từng giai đoạn, đó cũng là câu trả lời tại sao Thiền phái Liễu Quán, về sau truyền thừa mà không chú trọng “Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền/ 不立文字, 教外別傳/ (Không bày đặt chữ nghĩa, trao truyền ngoài giáo điển). Ý tứ là: chân lý hay là thực tại siêu việt ngôn ngữ, kinh sách (giáo điển chỉ là cái bè qua sông, ngón tay chỉ mặt trăng. Tu thiền là chỉ thẳng vào tâm; thấy được tánh tức là giác ngộ được Phật tính thì sẽ thành Phật), chỉ chú trọng vào sự an định tâm thức để tiến đến sự lĩnh hội tâm mình, nhận biết khổ, vô ngã, vô thường mà Đức Phật từng dạy. Do đó, Thiền phái Liễu Quán chủ trương dung hợp các pháp môn thiền tịnh "nhẹ nhàng, hiền lành" chứ không có những cách đối cơ tiếp vật "kỳ khu, khốc liệt" như thiền Trung Hoa. Chính vì vậy, kể từ khi Tổ khai sáng Thiền phái, đồ chúng quy tụ rất đông và lan tỏa khắp nơi từ đó về sau.

2.3. Về hệ thống giáo lý

Thông qua bài kệ của Tổ Liễu Quán, ta thấy Thiền phái Liễu Quán chủ trương thiền giáo song hành, phù hợp với căn cơ

tu tập của người Việt. Trong các bản kinh *Nikaya*, Phật dạy nhiệm vụ của vị Tỷ kheo là nỗ lực thiền quán ngang qua công phu hành trì giới định tuệ và hoàng pháp độ chúng sinh. Nội dung bài kệ của Tổ Liễu Quán cũng khuyến cáo các đồ chúng nương tựa giáo điển và tinh tấn thiền định để đạt ngộ lý chân không, viên dung thể, tướng, dụng trong tiến trình tự ngộ và độ tha. Nói cách khác, Thiền phái Liễu Quán đã y cứ các bản kinh Đại thừa như *Hoa Nghiêm* 華嚴, *Lăng già* 楞伽, *Lăng nghiêm* 楞嚴, *Kim cang Bát nhã* 金剛般若, *Viên Giác* 圓覺, *Pháp Hoa* 法華, *Di Đà* 彌陀... để nâng lên thành hệ thống giáo lý của Thiền phái.

Trong các thiền đường Thiền phái Liễu Quán, các đệ tử của tổ được truyền thừa đều được học tập kinh điển, tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, ngay cả thực hành nghi lễ đều hướng người học đạo tu tập để trực ngộ, giác chứng “đạt ngộ chân không”. Các bài phú pháp truyền thừa cho các đệ tử Thiền phái sau này đều thể hiện rõ chủ trương đạt ngộ như thế.

2.4. Về nghi lễ

Theo giới thuyết của Tôn giáo học, nghi lễ là thành tố quan trọng để lập tông. Sự thực hành nghi lễ sẽ tạo ra không gian tâm linh kết nối tín đồ học đạo với đáng bề trên. Mặt khác, hành trì nghi lễ thiêng liêng, giúp tín đồ tăng niềm tin mà dễ dàng đi vào đạo.

Trong ý nghĩa đó, Thiền phái Liễu Quán đã tổ chức các nghi thức truyền giới do tổ làm đàn đầu hòa thượng. Bên cạnh đó, còn có các nghi thức Bỏ tát, sám hối, cúng tế vào những ngày sóc, vọng, đại lễ Phật đản, Vu Lan, tết Chính đán, tiết Thánh thọ, chư tăng và Phật tử đều dâng cúng lễ phẩm, tụng kinh cầu nguyện, tổ chức phóng sinh, thả hoa đăng trên sông.

Sách *Việt Nam Phật giáo sử luận* đã nói về Thiền phái Liễu Quán như sau: “Ông đã Việt hóa Thiền phái Lâm Tế và làm cho Thiền phái này trở thành Thiền phái của đa số Phật tử Đàng Trong. Kiến trúc lễ nhạc bắt đầu trút bỏ màu sắc Trung Quốc và từ từ mang lấy màu sắc dân tộc. Những bài tán lễ như *Cực lạc Từ hàng*” chẳng hạn, đã hoàn toàn mang màu sắc Việt”⁵.

2.5. Về tín đồ

Theo *Chư tôn Thiền đức Phật giáo Thuận Hoá*⁶, sau khi đắc đạo, Tổ Liễu Quán lại trở về Phú Yên để hoàng đạo. Thuận Hoá - Phú Yên là con đường hóa đạo của tổ trong suốt 10 năm, khiến dòng thiền Liễu Quán được phát triển rộng rãi khắp Đàng Trong. Sách này cũng cho biết tổ Liễu Quán có tới 49 vị đệ tử đắc pháp, truyền bá dòng thiền Liễu Quán vào tận miền Nam.

Sự hưng thịnh của thiền Liễu Quán được Hà Xuân Liêm trong *Những ngôi chùa Huế* mô tả: “Từ Tổ đình Thiền Tôn, các ngài pháp danh bắt đầu bằng chữ “Tế” đã tỏa ra đi vân du hóa đạo khắp Nam Hà. Trừ các ngài Tế Hiệp - Hải Điện, Tế Mẫn - Tổ Huân, Tế Hiên - Trạm Quang ở lại Tổ đình; còn ngài Tế Phở - Viên Trì ra trùng hưng chùa Viên Thông, ngài Tế Nhơn - Hữu Bùi và ngài Tế Ân - Lưu Quang ra trùng hưng và trú trì chùa Báo Quốc, ngài Tế Ngữ - Chính Đồng ra trùng hưng chùa Từ Lâm, ngài Tế Vĩ ra khai sơn chùa Đông Thuyền... Hầu hết chùa ở Huế hiện nay; chùa Cổ Lâm, chùa Bảo Tịnh ở Phú Yên; chùa Long Thọ ở Thủ Dầu Một; chùa Đức Lâm ở Gia Định; chùa Linh Sơn ở núi Bà Đen Tây Ninh; chùa Phi Lai ở Châu Đốc đều có thể hệ truyền thừa theo bài kệ Thiệt Tế Đại Đạo Tánh Hải Thanh Trùng của Tổ Liễu Quán, làm cho sơn môn pháp phái thiền ở núi

Thiền Thai long thịnh, rực rỡ mãi cho đến tận ngày nay”⁷.

Bổ sung một số bình luận về đoạn trích trên và bổ sung bình luận về sơ đồ tín đồ của dòng Liễu Quán.

Rõ ràng, kể từ khi Tổ Liễu Quán xuất kệ và thành lập Thiền phái Liễu Quán thì những dấu chân hoằng pháp của các đệ tử của Tổ đã lan tỏa khắp tất cả nẻo đường trong cuộc hành trình mở cõi phương Nam. Ta chẳng ngạc nhiên gì các thế hệ truyền thừa sau Tổ, bắt đầu từ thế hệ thứ hai “Tế” trở đi đã liễu đạt về tôn chỉ đường lối, phương thức tu hành để hoằng hóa giáo lý thiền phù hợp tâm thức người dân nước Việt Nam ở Đàng Trong. Chính tinh thần Việt hóa của Thiền phái Liễu Quán đã đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng tâm linh và kết nối tinh thần đại đoàn kết toàn dân trong bối cảnh lịch sử dân tộc đang diễn ra hết sức đặc biệt. Tất cả người dân Đại Việt bấy giờ lúc đó cần một sức mạnh nội sinh để giải quyết những vấn đề lịch sử đặt ra, đó là mưu cầu hạnh phúc, bình an và thống nhất đất nước. Đó là câu trả lời tại sao kể từ khi Thiền phái Liễu Quán ra đời, tự thân đã ảnh hưởng sâu rộng, truyền thừa liên tục 300 năm qua, là điểm son trong truyền thống hộ quốc an dân của Phật giáo nước nhà.

3. Phương thức, tư tưởng hành đạo của Tổ sư Đạo Minh - Phổ Tịnh trong tiến trình phát triển Thiền phái Liễu Quán

3.1. Nối gót tông phong - dẫn thân phụng đạo

Sách *Việt Nam Phật giáo sử luận* nhận định khi đề cập đến danh tăng thời Nguyễn thì có đề cập đến Thiền sư Đạo Minh - Phổ Tịnh. Rất tiếc là lượng thông tin về việc nối gót tông phong rất ít ỏi: “Thiền sư Phổ Tịnh, người tỉnh Quảng Nam, hiệu là Đạo Minh, đệ tử của thiền

sư Chiêu Nhiên thuộc phái Liễu Quán. Năm 1808, ông được bà Hiến Khương Hoàng Thái hậu thỉnh trú trì chùa Thiền Thọ (tức là chùa Báo Quốc bây giờ). Ông tịch năm 1816. Ông có một người đệ tử xuất sắc là Thiền sư Nhất Định”⁸.

Theo sách *Hàm Long sơn chí* 含龍山誌, phần *Phổ Tịnh Hòa thượng pháp tự* 普淨和尚法嗣 thì ngài có đến 28 đệ tử, mỗi vị đều được tổ cho một phú pháp, trong đó có ngài Tánh Thiên - Nhất Định, thế hệ thứ năm khai sơn chùa Từ Hiếu làm rạng danh tông môn từ đó về sau. Thiền phái Liễu Quán đã trở thành Thiền phái cốt lõi dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Căn cứ các tài liệu thiền sử như *Lịch truyền Tổ đồ*, *Hàm Long sơn chí*, *Trung Kiên Trung Kiên thôn Linh Quang tự bi ký* 歷傳祖圖, 含龍山誌, 中堅村靈光寺碑記 thì Tổ Đạo Minh - Phổ Tịnh là người rất có công trong việc kế thừa tông phong Liễu Quán. Tổng hợp các nguồn tài liệu thì tổ sư Đạo Minh họ Nguyễn, người thôn Tây An, xã Long Phước, huyện Duy Xuyên, phủ Thăng Hoa, tỉnh Quảng Nam. Ngài đã phát tâm xuất gia từ nhỏ tại chùa Thiền Tôn với tổ sư Đại Huệ - Chiêu Nhiên.

Quá trình học đạo của Tổ sư Đạo Minh là sự dụng công tu tập nội tâm, thể hiện qua công phu thời khóa và chấp tác hằng ngày. Các thiền sư phái Liễu Quán đã ý thức thiền là cuộc sống, ngoài cuộc sống là không có thiền, để giáo hóa dân và an dân. Nhờ sự tinh tấn tu học mà được Bổn sư cho thọ giới với pháp danh Đạo Minh, tự Phổ Tịnh, hiệu là Viên Nhất, nối pháp dòng Lâm Tế đời thứ 38, thế hệ thứ 4 Thiền phái Liễu Quán.

Tổ Đạo Minh là một thiền sư hành trì giới luật tinh nghiêm, kiến văn quảng bác, bậc cao tăng nổi bật nhất trong chốn thiền lâm. Vào đời Gia Long, tổ đã có tầm ảnh

hưởng lớn trong giới hoàng tộc. Đó là lý do vì sao tổ có mối quan hệ tốt với nhà Nguyễn, được sự tôn kính cúng dường. Năm Mậu Thìn (1808), niên hiệu Gia Long thứ 7, tổ được Hiếu Khương Hoàng Thái hậu cung thỉnh làm trụ trì chùa Hàm Long Thiên Thọ, tức chùa Báo Quốc, do vua Gia Long đặt. Từ đó, đạo phong của tổ ngày càng tỏa rạng trên đất thần kinh, đồ chúng quy về tu học ngày càng nhiều. Chính nếp sống đạo thiên đã tác động vào thực tiễn đời sống, ai theo tổ học đạo đều tự tin vào khả năng ngộ đạo giải thoát. Đó là triết lý sống đạo thiên mà tổ muốn truyền bá.

Năm Ất Hợi (1815), niên hiệu Gia Long thứ 14, vào ngày 14 tháng 9, Tổ đã khai đại giới đàn tại chùa Hàm Long Thiên Thọ và được cung thỉnh làm Hòa thượng Đàn đầu, truyền trao giới pháp. Số giới tử thọ giới tại giới đàn này rất đông. Đồ chúng đắc pháp của ngài có đến 28 vị.

Điểm đáng nói nữa, vào thời kỳ này, nhà Nguyễn một mặt vừa ổn định thể chế vương triều; mặt khác còn kiên định về chính sách đảm bảo an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế. Ông nội ngài vì tông quân nên ra trú tại làng Trung Kiên, tổng Bích La, huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị. Có lẽ đây là cơ duyên mà vào năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long nguyên niên, tổ dẫn thân phụng đạo trở về làng Trung Kiên, khai sáng chùa Linh Quang, đúc hồng chung, thỉnh tượng Phật và các pháp khí, thiết lập đạo tràng tu tập cho cả giới xuất gia và tại gia. Tổ đã biến nơi đây thành chốn già lam đông đúc tăng tín đồ đến thọ pháp, cuộc sống người dân quanh vùng có biến đổi mới mẻ và chan hòa ý sống tình đạo. Với uy đức của Tổ, từ ngôi chùa này, làng Trung Kiên đã sản sinh ra “thế thế xuất phùng tăng” đi hoàng hóa từ Thuận Hóa vào tận cả mũi Cà Mau, nổi

gót tông phong Liễu Quán xiển dương đạo thiên.

3.2. Chủ trương đào tạo tăng tài, thu nhiếp tín đồ trong việc chấn hưng Phật pháp

Xuất gia tu học, hành đạo đến đời vua Gia Long trị vì đất nước, thì Tổ Đạo Minh đã trở thành vị cao tăng có tầm ảnh hưởng lớn với vương triều. Nhiều chính sách của vua Gia Long ban hành đối với Phật giáo như quy định đối với tăng sĩ, đối với việc xây dựng chùa chiền, tổ chức nghi lễ Phật giáo tương chừng như bất lợi, lại được Tổ Đạo Minh xem đó là nhân tố, tiêu chí để đào tạo nguồn nhân lực cho Phật giáo nói chung, cho sơn môn pháp phái nói riêng. Quan điểm của Tổ là lấy việc đào tạo tăng tài là Phật sự quan trọng hàng đầu, là trách nhiệm bổn phận của người hành đạo.

Vào thời Nguyễn, từ chức sắc cho đến tăng chúng, phục dịch của các tự viện lớn, đặc biệt là quốc tự đều chịu sự quản lý, điều phối của triều đình. Sự tăng giũa các chùa còn được triều đình phân bổ, luân chuyển không chỉ trong phạm vi một địa phương mà còn ở những vùng miền rất xa. Để quản lý chặt chẽ tăng sĩ, vua Gia Long quy định rõ trong *Hoàng Việt luật lệ*: “Nếu tăng đạo không được cấp độ điệp, tự ý cạo tóc thì phạt 100 trượng, nếu do gia trưởng thì gia trưởng phải chịu tội, nếu do trụ trì ở tự quan và thầy dạy riêng độ thì đồng tội, buộc hồi tục, vào sổ đương sai”⁹.

Độ điệp mà Bộ Lễ cấp cho sư Tánh Thiên - Nhất Định, là một trong 28 vị đệ tử của Tổ Đạo Minh ghi rõ: “Lâu nay tăng sĩ đến kinh đô, Bộ phải xét ai là người chọn tu, giữ đúng giới luật, am tường khoa phạm, thời cấp một độ điệp để được yên tâm tu trì, hầu chứng đạo thiên, còn như binh nhiều, thuế thân hết thầy đều tha hết.

Nếu sau khi nhận điệp rồi mà nợ trần chưa dứt sạch, nghiệp chướng vẫn còn, có tỳ tích xấu, các quan lại hay dân quân ta bắt được, giải ngay cho quan địa phương chiếu luật trừng trị, bắt phải về tục, khâu lại độ điệp để Bộ tiêu hủy”¹⁰. Cùng với việc được cấp độ điệp, các tăng sĩ còn được triều đình ban giới đao. Đó là “con dao nhỏ hình bán nguyệt dùng để cắt áo, cạo tóc, cắt móng tay, là 1 trong 18 vật thường dùng của tỳ kheo”¹¹. Ngoài ra, giới đao còn có biểu tượng cắt đứt phiền não mà an tâm trì giáo. Khi một tăng sĩ phạm tội chịu hình phạt thì sư trưởng của chùa ấy cũng bị liên đới trách nhiệm. Những quy định này đã thể hiện rõ yêu cầu của các vua Nguyễn đối với một tăng sĩ không chỉ am tường

Phật pháp mà còn giữ giới phạm hạnh mới cảm hóa quần chúng.

Bằng tuệ giác thực chứng, Tổ đã xem đó như là thắng duyên trong việc đào tạo tăng tài, truyền đăng tục điệp và chấn hưng Phật pháp qua việc nâng cao nhận thức và nỗ lực hành trì giới định tuệ, chấn chỉnh tăng đoàn, thiết lập được một đội ngũ tăng già sống đúng luật nghi Phật chế, tuân thủ luật pháp nhà nước, góp phần chấn hưng Phật giáo Thuận Hóa. Kết quả, Tổ sư Đạo Minh đã thu nhiếp đồ chúng rất đông bao gồm giới xuất gia chứng đắc và tại gia thuần thành hộ pháp:

3.2.1. Về giới xuất gia

Theo *Phổ tịnh Hòa thượng Pháp tự* 普淨和尚法嗣, thì Tổ sư Đạo Minh đã phú pháp cho 28 đệ tử xuất sắc của mình:

Bài 1. 付性慧字一元偈曰 一元受法先， 心地發花園， 道明傳心法， 慧燈照滿天。	1. Phú Tánh Tuệ tự Nhất Nguyên kệ viết <i>Nhất nguyên thọ pháp tiên Tâm địa phát hoa viên Đạo minh truyền tâm pháp Tuệ đăng chiếu mãn thiên.</i>	Phú pháp cho ngài Tánh Tuệ tự Nhất Nguyên Người thọ pháp đầu tiên Tâm địa mở hoa viên Đạo sáng truyền tâm pháp Đèn tuệ soi mãn thiên.
Bài 2. 付性心字一持偈曰 一持鉏青天， 內外廣無邊， 心法圓正念， 繼祖是安然。	2. Phú Tánh Tâm tự Nhất Trì kệ viết <i>Nhất trì tịnh thanh thiên Nội ngoại quảng vô biên Tâm pháp viên chánh niệm Kế tổ thị an nhiên.</i>	2. Phú pháp cho ngài Tánh Tâm tự Nhất Trì Nhất Trì sáng trời trong Trong ngoài rộng mênh mông Tâm pháp đầy chánh niệm Nối tổ là an nhiên.
Bài 3. 付性照字一月偈曰 一月妙無邊， 光明照滿天， 紹隆真佛子， 昭彰萬古傳。	3. Phú Tánh Chiếu tự Nhất Nguyệt kệ viết <i>Nhất nguyệt diệu vô biên Quang minh chiếu mãn thiên Thiệu long chân Phật tử Chiếu chương vạn cổ truyền.</i>	3. Phú pháp cho ngài Tánh Chiếu tự Nhất Nguyệt Ánh trắng đẹp vô cùng Trắng sáng khắp trời không Hưng thịnh đúng Phật tử Rực rỡ muôn thu đông.
Bài 4. 付性天字一定偈曰 一定照光明， 虛空月滿圓， 祖祖傳付囑， 道明繼性天。	4. Phú Tánh Thiên tự Nhất Định kệ viết <i>Nhất Định chiếu quang minh Hư không nguyệt mãn viên Tổ tổ truyền Phú chúc Đạo Minh kế Tánh Thiên.</i>	4. Phú pháp cho ngài Tánh Thiên tự Nhất Định Nhất Định sáng muôn nơi Trắng tỏ đầy chẳng voi Chư tổ truyền giao Phú Đạo sáng nối tánh trời.
Bài 5. 付性全字一体偈曰 一体照圓明， 日月正中天， 續燄傳燈付，	5. Phú Tánh Toàn tự Nhất Thể kệ viết <i>Nhất thể chiếu viên minh Nhật nguyệt chánh trung thiên Tục điệp truyền đăng Phú</i>	5. Phú pháp cho ngài Tánh Toàn tự Nhất Thể Một thể chiếu tròn đầy Ngày đêm chính giữa trời Phú chúc nối đèn, lửa

祖道永流傳。	<i>Tổ đạo vĩnh lưu truyền.</i>	Đạo tổ còn muôn đời.
Bài 6. 付性昭字一念偈曰 一念心常圓， 心法本青天， 祖道傳法印， 光輝永流傳。	6. Phú Tánh Chiêu tự Nhất Niệm kệ viết <i>Nhất Niệm tâm thường viên Tâm pháp bốn thanh thiên Tổ đạo truyền pháp ấn Quang huy vĩnh lưu truyền.</i>	6. Phú pháp cho ngài Tánh Chiêu tự Nhất Niệm Một niệm tâm tròn đầy Tâm pháp trời trong bay Đạo tổ truyền pháp ấn Tươi sáng mãi muôn ngày.
Bài 7. 付性和字一順偈曰 一順道法通， 心法本虛空， 了悟明心法， 繼傳紹祖宗。	7. Phú Tánh Hòa tự Nhất Thuận kệ viết <i>Nhất Thuận đạo pháp thông Tâm pháp bốn hư không Liễu ngộ minh tâm pháp Kế truyền thiệu tổ tông.</i>	7. Phú pháp cho ngài Tánh Hòa tự Nhất Thuận Thuận theo đạo pháp thông Tâm pháp vốn hư không Hiểu rõ tâm pháp sáng Kế thừa nối tổ tông.
Bài 8. 付性開字一得偈曰 一得心法空， 心法本虛空， 原空皆是佛， 繼世奉祖宗。	8. Phú Tánh Khai tự Nhất Đắc kệ viết <i>Nhất Đắc tâm pháp không Tâm pháp bốn hư không Nguyên không giai thị Phật Kế thế phụng tổ tông.</i>	8. Phú pháp cho ngài Tánh Khai tự Nhất Đắc Nhất Đắc tâm pháp không Tâm pháp vốn hư không Vốn không đều là Phật Truyền thừa nối tổ tông.
Bài 9. 付性任字一點偈曰 一點廣無邊， 妙用炤滿天， 圓明回光炤， 繼祖永留傳。	9. Phú Tánh Nhậm tự Nhất Điểm kệ viết <i>Nhất điểm quảng vô biên Diệu dụng chiếu mãn thiên Viên minh hồi quang chiếu Kế tổ vĩnh lưu truyền.</i>	9. Phú pháp cho ngài Tánh Nhậm tự Nhất Điểm Một điểm tỏa muôn nơi Vi diệu sáng khắp trời Sáng tròn quay chiếu lại Nối tổ mãi muôn đời.
Bài 10. 付性義字一悟偈曰 一悟心法空， 虛空太極同， 佛祖相傳付， 重光萬古隆。	10. Phú Tánh Nghĩa tự Nhất Ngộ kệ viết <i>Nhất Ngộ tâm pháp không Hư không thái cực đồng Phật tổ tương truyền Phú Trùng quang vạn cổ long.</i>	10. Phú pháp cho ngài Tánh Nghĩa tự Nhất Ngộ Một rõ tâm pháp không Thái cực hư không đồng Phật tổ cùng giao Phú Muôn đời luôn sáng trong.
Bài 11. 付性誠字一信偈曰 一信行願圓， 心法是光明， 祖德傳心法， 萬古永留傳。	11. Phú Tánh Thành tự Nhất Tín kệ viết <i>Nhất Tín hạnh nguyện viên Tâm pháp thị quang minh Tổ đức truyền tâm pháp Vạn cổ vĩnh lưu truyền.</i>	11. Phú pháp cho ngài Tánh Thành tự Nhất Tín Niềm tin hạnh nguyện đầy Tâm pháp là trời trong Đức tổ truyền tâm pháp Muôn đời vẫn dung thông.
Bài 12. 付性通字一曉偈曰 一曉本心空， 圓明太極同， 心法住無住， 傳燈繼祖宗。	12. Phú Tánh Thông tự Nhất Hiểu kệ vãn <i>Nhất Hiểu bốn tâm không Viên minh thái cực đồng Tâm pháp trú vô trú Truyền đăng tục tổ tông.</i>	12. Phú pháp cho ngài Tánh Thông tự Nhất Hiểu Một hiểu tâm vốn không Thái cực tròn nhất đồng Tâm pháp trú không trú Nối đèn tiếp tổ tông.
Bài 13. 付性通字一智偈曰 一智體圓明， 心法本如然， 虛空妝一點， 繼祖永留傳。	13. Phú Tánh Thông tự Nhất Trí kệ viết <i>Nhất Trí thể viên minh Tâm pháp bốn như nhiên Hư không trang nhất điểm Kế tổ vĩnh lưu truyền.</i>	13. Phú pháp cho ngài Tánh Thông tự Nhất Trí Một Trí tánh tròn đầy Tâm pháp vốn xưa nay Hư không thêm một điểm Nối tổ mãi muôn ngày.
Bài 14. 付性正字一喺偈曰	14. Phú Tánh Chánh tự Nhất	14. Phú pháp cho ngài Tánh

一喝受法傳， 心寂應萬緣， 祖道傳付囑， 繼祖在心源。	Chuyên kệ viết <i>Nhất Chuyên thọ pháp truyền Tâm tịch ứng vạn duyên Tổ đạo truyền Phú chúc Kế tổ tại tâm nguyên.</i>	Chánh tự Nhất Chuyên Nhất Chuyên nhận pháp truyền Tâm lặng hợp vạn duyên Đạo tổ giao nhận lãnh Nối tổ tại tâm nguyên.
Bài 15. 付性信字一論偈曰 一論大因緣， 萬法歸一圓， 佛祖傳付囑， 如月印江天。	15. Phú Tánh Tín tự Nhất Luận kệ viết <i>Nhất Luận đại nhân duyên Vạn pháp quy nhất viên Phật tổ truyền Phú chúc Như nguyệt ấn không thiên</i>	15. Phú pháp cho ngài Tánh Tín tự Nhất Luận Nhất Luận nhân duyên lớn Vạn pháp về một nơi Phật tổ giao Phú chúc Như trăng ngự giữa trời.
Bài 16. 付性祥字一瑞偈曰 一瑞氣象新， 心月炤白雲， 續燄傳付囑， 明燈奉祖宗。	16. Phú Tánh Tường tự Nhất Đoan kệ viết <i>Nhất Đoan khí tượng tân Tâm nguyệt chiếu bạch vân Tục diện truyền Phú chúc Minh đăng phụng tổ tông.</i>	16. Phú pháp cho ngài Tánh Tường tự Nhất Đoan Nhất Đoan tánh sáng trong Trăng lòng chiếu trời không Nói Phú chúc đèn lửa Đèn sáng thờ tổ tông.
Bài 17. 付性覺字一蘊偈曰 一蘊紅塵破， 光明氣象新， 續燄傳付囑， 真是報佛恩。	17. Phú Tánh Giác tự Nhất Uẩn kệ viết <i>Nhất Uẩn hồng trần phá Quang minh khí tượng tân Tục diện truyền Phú chúc Chân thị báo Phật ân.</i>	17. Phú pháp cho ngài Tánh Giác tự Nhất Uẩn Nhất Uẩn phá bụi hồng Trăng lành tánh sáng trong Nói Phú chúc đèn lửa Chính là báo Phật ân.
Bài 18. 付性傳字一寶偈曰 一寶在心中， 暗室得燈籠， 炤体見萬法， 續燄奉祖宗。	18. Phú Tánh Truyền tự Nhất Bảo kệ viết <i>Nhất Bảo tại tâm trung Ám thất đắc đăng lung Chiếu thể kiến vạn pháp Tục diện phụng tổ tông.</i>	18. Phú pháp cho ngài Tánh Truyền tự Nhất Bảo Nhất Bảo ở trong lòng Nhà tối được được trong Chiếu thấy rõ vạn pháp Nói đèn thờ tổ tông.
Bài 19. 付性樂字一如偈曰 一如來心法， 萬法唯心生， 佛祖傳付法， 續燄永芳名。	19. Phú Tánh Lạc tự Nhất Như kệ viết <i>Nhất Như lai tâm pháp Vạn pháp duy tâm sanh Phật tổ truyền Phú pháp Tục diện vĩnh phương danh.</i>	19. Phú pháp cho ngài Tánh Lạc tự Nhất Như Nhất Như đến tâm pháp Các pháp từ tâm sanh Phật tổ trao Phú chúc Nói đèn mãi lưu danh.
Bài 20. 付性德字一宗偈曰 一宗萬古傳， 諸法玄又玄， 佛祖傳授法， 續燄炤中天。	20. Phú Tánh Đức tự Nhất Tôn kệ viết <i>Nhất Tôn vạn cổ truyền Chư pháp huyền hựu huyền Phật tổ truyền thọ pháp Tục diện chiếu trung thiên.</i>	20. Phú pháp cho ngài Tánh Đức tự Nhất Tôn Nhất tôn truyền muôn đời Các pháp huyền bí rồi Phật tổ truyền trao pháp Nói đèn sáng khắp trời.
Bài 21. 付性泰字一策偈曰 一策戒法先， 授戒法莊嚴， 佛祖傳付囑， 心月炤孤圓。	21. Phú Tánh Thái tự Nhất Sách kệ viết <i>Nhất Sách giới pháp tiên Thọ giới pháp trang nghiêm Phật tổ truyền Phú chúc Tâm nguyệt chiếu cô viên.</i>	21. Phú pháp cho ngài Tánh Thái tự Nhất Sách Nhất Sách giới pháp đầu Nhận lãnh giới trang nghiêm Phật tổ trao Phú chúc Trăng lòng chiếu khắp miền.
Bài 22. 付性慧字一質偈曰 一質色虛空，	22. Phú Tánh Tuệ tự Nhất Chất kệ viết	22. Phú pháp cho ngài Tánh Tuệ tự Nhất Chất

幽暗悉皆通， 佛心法無異， 悟了繼祖宗。	<i>Nhất Chất sắc hư không U ám tất giai thông Phật tâm pháp vô dị Ngộ liễu tục tổ tông.</i>	Nhất Chất cái thấy không Tối tăm đều suốt thông Tâm Phật, pháp không khác Hiểu rõ nối tổ tông.
Bài 23. 付性恕字一忠偈曰 一忠勤戒法， 掃盡塵勞心， 光明見佛性， 萬古奉祖宗。	23. Phú Tánh Thứ tự Nhất Trung kệ viết <i>Nhất Trung cần giới pháp Tảo tận trần lao tâm Quang minh kiến Phật tánh Vạn cổ phụng tổ tông.</i>	23. Phú pháp cho ngài Tánh Thứ tự Nhất Trung Nhất Trung siêng giới pháp Quét sạch bụi trong lòng Sáng ngời tỏ Phật tánh Muôn đời thờ tổ tông.
Bài 24. 付性心字一謹偈曰 一謹叩意通， 諸法德皆空， 佛祖傳付囑， 續燄奉祖宗。	24. Phú Tánh Tâm tự Nhất Cần kệ viết <i>Nhất Cần mật ý thông Chư pháp đức giai không Phật tổ truyền Phú chúc Tục diệm phụng tổ tông.</i>	24. Phú pháp cho ngài Tánh Tâm tự Nhất Cần kệ viết Nhất Cần tỏ mật ý Đức các pháp đều không Phật tổ trao Phú chúc Nối đèn thờ tổ tông.
Bài 25. 付性忠字一言偈曰 一言萬法通， 心法如虛空， 光明佛付囑， 傳燈奉祖宗。	25. Phú Tánh Trung tự Nhất Ngôn kệ viết <i>Nhất Ngôn vạn pháp thông Tâm pháp như hư không Quang minh Phật Phú chúc Truyền đăng phụng tổ tông.</i>	25. Phú pháp cho ngài Tánh Trung tự Nhất Ngôn Nhất Ngôn các pháp thông Tâm pháp như trời trong Phật sáng tỏ giao Phú Tiếp đèn thờ tổ tông.
Bài 26. 付性晴字一昌偈曰 一昌法光明， 塵掃鏡重圓， 續燄傳付囑， 如月印江天。	26. Phú Tánh Tinh tự Nhất Xương kệ viết <i>Nhất Xương pháp quang minh Trần tảo cánh trùng viên Tục diệm truyền Phú chúc Như nguyệt ấn không thiên.</i>	26. Phú pháp cho ngài Tánh Tinh tự Nhất Xương Nhất Xương pháp sáng ngời Bụi quét sạch gương trong Nối Phú chúc đèn lửa Như trăng ngự trời không.
Bài 27. 付性議字一誠偈曰 一誠通理全， 重磨氣象圓， 荷擔諸佛祖， 心月炤孤天。	27. Phú Tánh Nghị tự Nhất Thành kệ viết <i>Nhất Thành thông lý toàn Trùng ma khí tượng viên Hà đảm chư Phật tổ Tâm nguyệt chiếu cô thiên.</i>	27. Phú pháp cho ngài Tánh Nghị tự Nhất Thành Nhất Thành lý đều thông Siêng lau gương sáng trong Đảm nhiệm việc Phật tổ Trăng lòng chiếu trời không.
Bài 28. 付性慧自一眞偈曰 一眞授法傳， 內外本如然， 扶持諸佛祖， 繼世永綿綿。	28. Phú Tánh Tuệ tự Nhất Chân kệ viết <i>Nhất Chân thọ pháp truyền Nội ngoại bản như nhiên Phù trì chư Phật tổ Kế tục vĩnh miên miên.</i>	28. Phú pháp cho ngài Tánh Tuệ tự Nhất Chân Nhất Chân nhận lãnh pháp Trong ngoài vốn mặc nhiên Hộ trì chư Phật tổ Tiếp nối muôn đời truyền.

Căn cứ vào *Lịch truyện Tổ đồ* 歷傳祖圖 bản ở chùa Thiên Hòa, bản ở chùa Thiên Tôn, cả hai bản này ghi chép về sự truyền thừa của Thiên phái Liễu Quán, trong đó có đề cập đến các đệ tử của Tổ; còn *Hàm Long sơn chí* 含龍山誌, phần *Phổ Tịnh Hòa thượng pháp đồ* /譜淨和尚

法圖) cũng có đề cập về 28 vị được Tổ sư Đạo Minh được phú pháp dựa trên nguyên tắc hạnh nguyện và sở đắc đạo thiên. Các đệ tử đắc pháp với Tổ Đạo Minh trở thành bậc tông lâm thạch trụ của Phật giáo Thuận Hóa, khai sơn tạo tự, đảm trách trụ trì các Quốc tự, tổ đình lớn và làm nên

diện mạo đặc trưng Phật giáo Thuận Hóa như sử sách ghi.

Theo đó, ngài Tánh Huệ - Nhất Nguyên là người đặt pháp đầu tiên như bài phú pháp của Tổ Đạo Minh truyền trao. Ngài khai sơn và trụ trì chùa Huệ Lâm, ngày nay không còn nữa. Bảo tháp của Tổ Đạo Minh được tôn trí ở chùa Huệ Lâm nơi trưởng tử của Tổ là ngài Nhất Nguyên làm trụ trì. Điểm đáng nói bảo tháp của Tổ, ngày nay nằm trong khuôn viên chùa Vạn Phước - Huế.

Hay Thiền sư Tánh Thiên - Nhất Định (1783 - 1847), người Quảng Trị, là một cao tăng mà bất cứ sách thiền sử triều Nguyễn nào cũng đề cập. Vua Gia Long thỉnh cầu ngài làm trụ trì chùa Thiên Thọ. Năm 1833, vua Minh Mạng thỉnh ngài trụ trì chùa Linh Hựu. Năm 1839 vua lại thỉnh ngài làm tăng cang chùa Giác Hoàng. Năm 1843, ngài xin từ chức tăng cang chùa Giác Hoàng, được vua Thiệu Trị chấp nhận. Vài năm sau, ngài lên núi Dương Xuân Thượng, Hương Thủy, Thừa Thiên, dựng thảo am An Dưỡng. Về sau Thái Giám viện và các đệ tử của ngài đặt tên chùa là Từ Hiếu. Ngài Tánh Thiên - Nhất Định có được hai đệ tử là ngài Hải Thuận - Lương Duyên, tăng cang chùa Báo Quốc và ngài Hải Thiệu - Cương Kỷ kế thế trụ trì tổ đình Từ Hiếu.

Ngài Tánh Hoạt - Huệ Cảnh người làng La Chữ huyện Hương Trà, họ Lê, sinh năm Mậu Ngọ (1798) là bậc cao tăng khai sơn chùa Tường Vân. Ngài có mối kết giao giới hoàng tộc, trong đó phải kể đến Tùng Thiện Vương cũng thường xuyên tới nơi đây, ông là một nhà thơ lớn dưới triều Tự Đức, rất thích cảnh thiên nhiên và mến mộ chốn thiền môn.

Ngài Tánh Tịnh - Nhất Xương là người trụ trì chùa Thiên Hòa, thuộc xã Dương

Xuân, huyện Hương Trà, Huế. Ngôi chùa này do Thiền sư Khánh Thụy - Minh Tính khai sơn vào cuối thế kỷ XIX. Theo long vị, thiền sư thuộc đời 38 tông Tào Động. Hiện vẫn còn một tháp cổ, cách chùa khoảng 200m về phía tay phải thờ thiền sư. Kế thế trụ trì là đại sư Tánh Tịnh - Nhất Xương.

Bên cạnh đó các ngài khác Tánh Tâm - Nhất Trì; Tánh Hòa - Nhất Thuận; Tánh Nhậm - Nhất Diễm; Tánh Nghĩa - Nhất Ngộ; Tánh Thành - Nhất Tín; Tánh Thông - Nhất Hiểu; Tánh Chánh - Nhất Chuyên... đều là những bậc cao tăng thạc đức có vai trò và trọng trách truyền bá Chánh pháp, giáo hóa đồ chúng tại Phật giáo Thuận Hóa.

3.2.2. Thu nhiếp tín đồ tại gia trở thành tín đồ hộ đạo

Với đạo phong uy nghiêm, tư tưởng hành đạo của Tổ Đạo Minh, từ vua quan, đại thần, hoàng thân cho đến quần chúng lao động đều đến quy y với tổ. Trong *Lịch truyện Tổ đồ* nói đạo phong của Tổ Đạo Minh tỏa rạng trên đất thần kinh, đồ chúng quy về tu học ngày càng nhiều. Vào năm Ất Hợi (1815), niên hiệu Gia Long thứ 14, vào ngày 14 tháng 9, Ngài khai đại giới đàn tại chùa Hàm Long Thiên Thọ và làm Hòa thượng Đàn đầu truyền giới cho xuất gia thọ Sa di, Sa di ni, Thất xoa ma na, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, giới tại gia thọ thập thiện, Bồ tát giới. Hẳn nhiên, trong hàng đệ tử tại gia, sử cũng chép Hiếu Khương Hoàng Thái hậu, quy hướng tổ và thỉnh về làm trụ trì chùa Hàm Long Thiên Thọ (Báo Quốc). Điều đó, minh chứng tổ Đạo Minh thu nhiếp giới hoàng tộc. Trước đó, tổ còn ra Quảng Trị khai sáng chùa Linh Quang nơi ông nội tổ đóng quân, đem nguồn mạch từ bi đến vùng đất mà dân tình còn khổ cực khi nhà Nguyễn Tây Sơn và nhà Nguyễn Gia

Long mâu thuẫn và cần có biện pháp giải quyết để an dân.

Chính các đệ tử tại gia của Tổ Đạo Minh là những Phật tử thuần thành và hộ đạo. Ngay trong giới hoàng tộc đã ủng hộ việc: “Xây chùa, dựng tượng đúc chuông, Trong ba việc ấy thập phương nên làm”¹². Theo bia ký “*Trung Kiên thôn Linh Quang tự bi ký* 中堅村靈光寺碑記” hiện được chép lại trong *Hàm Long sơn chí* 含龍山誌 cùng các nguồn di vật hiện còn lưu giữ tại chùa Linh Quang làng Trung Kiên. Về sau chùa được ban biển ngạch *Sắc tứ Linh Quang tự* 敕賜靈光寺. Nhờ phát tâm của các tín đồ Phật tử, Tổ Đạo Minh chú nguyện đúc đại hồng chung vào năm Gia Long nguyên niên (1802) và một chuông báo chúng đúc năm Gia Long thứ 13 (1814), khi ngài Đạo Minh trú trì chùa Sắc tứ Thiên Thọ (Báo Quốc), do bốn đạo phụng cúng.

Đại hồng chung chùa Linh Quang không to cao như các chùa hiện nay. Cái quý là chuông khắc nổi 4 chữ lớn *A Di Đà Phật* 阿彌陀佛; ở chính giữa chuông được phân thành bốn mặt: hai mặt đối diện khắc nổi dòng chữ ghi niên đại: *Gia Long nguyên niên, quý thu nguyệt sơ nhất nhật* 嘉隆元年癸秋月初一, và ghi tên chùa, đạo hiệu của vị trú trì cùng nội tự, bốn đạo thiện nam tín nữ phụng tạo: *Linh Quang tự, trú trì Đạo Minh Phổ Tịnh đại sư, nội tự bốn đạo thiện nam tín nữ đẳng* 靈光寺,住持道明普淨大師,內寺本道善男信女等.

Còn chuông báo chúng được thiết kế đơn giản, do Tổ Phổ Tịnh chú đúc: *Sắc tứ Thiên Thọ tự trú trì Phổ Tịnh Hòa thượng chủ báo chúng, nhất khẩu ngũ thủ, trọng ngũ thập cân* 敕賜天壽寺住持普淨和尚鑄報鍾,壹口五手重五拾斤. Căn cứ vào văn khắc cho thấy, gia đình họ Sài cùng bốn đạo phụng cúng chuông cho chùa

Linh Quang, đúc vào ngày mùng 8 tháng 12 năm Giáp Tuất, đời Gia Long thứ 13 (1814): “*Gia Long thập tam niên, tuế thứ Giáp Tuất thập nhị nguyệt sơ bát nhật chú tạo. Phụng cúng Linh Quang tự, giao cúng bốn đạo Sài...Sài Nộ đồng bốn đạo lãnh thỉnh* 嘉隆十三年歲次甲戌十二月初八日鑄造. 奉供靈光寺交供本道柴...柴怒同本道領聃”.

Cũng tại chùa Linh Quang này, các đệ tử con cháu của tổ đạo về sau liên tục trùng tu do chiến tranh thường xuyên xảy ra. Vào năm 1983, Hòa thượng Thích Trí Thủ đã thiết trí kinh vị thờ các vị tổ xuất thân từ làng Trung Kiên và các vị Hòa thượng khác có công trùng kiến chùa Linh Quang:

Báo Quốc tự húy Hải Thuận hiệu Lương Duyên Tổ sư Hòa thượng 報國寺諱海順號良緣祖師和尚

Từ Hiếu tự húy Hải Thiệu hiệu Cương Kỷ Tổ sư Hòa thượng 慈孝寺諱海紹號剛紀祖師和尚

Từ Đàm tự húy Thanh Liêm hiệu Tâm Thiền giác linh Hòa thượng 慈曇寺諱清廉號心禪覺靈和尚

Báo Quốc tự húy Thanh Đức hiệu Tâm Khoan giác linh Hòa thượng 報國寺諱清德號心寬覺靈和尚

Trùng hưng Linh Quang tự húy Thanh Ninh hiệu Tâm Tịnh giác linh Hòa thượng 重興靈光寺諱清寧號心淨覺靈和尚

Thiên Hưng tự trụ trì húy Thanh Tú hiệu Huệ Pháp Hòa thượng 天興寺住持諱清秀號惠法和尚

Khai sơn Hải Đức tự húy Ngô Tánh hiệu Phước Huệ giác linh Hòa thượng 開山海德寺諱悟性號福慧覺靈和尚

Báo Quốc pháp phái, trùng hưng Phổ Tế húy Trùng Khiết tự Như Quang hiệu Hưng Nghĩa đại sư. 報國法派,重興普濟諱澄絜字如光號興義大師¹³

Tất cả cứ liệu nói trên, Tổ Đạo Minh và con cháu của tổ đã kế thừa tông phong

và nhiếp hóa đồ chúng tại gia bao gồm từ vua quan cho đến thần dân. Trong đó, Tổ và đệ tử đặc pháp của tổ là những người tông lâm thạch trụ được vua chúa kính trọng, mời làm trú trì, tăng cang để quy hướng, trở thành người hộ đạo. Rõ ràng, tư tưởng hành đạo của Tổ đã góp phần phát huy mạng mạch Phật pháp và ổn định vương triều nhà Nguyễn Gia Long, tạo sự bình an cho dân chúng.

4. Dấu ấn tư tưởng hành đạo của Tổ Đạo Minh - Phổ Tịnh qua 28 bài phú pháp truyền thừa Thiền phái Liễu Quán

Dấu ấn tư tưởng hành đạo của Tổ sư Đạo Minh được thể hiện rõ nét nhất tổ qua 28 bài phú pháp cho các đệ tử. Trong các tổ đặc pháp thiền, thì Tổ Đạo Minh để lại số lượng bài phú pháp nhiều nhất, không chỉ có giá trị truyền đăng tục diệm mà còn đóng góp cho nền văn học thiền tông Việt Nam. Đó là pháp âm mà Tổ sư để lại và truyền bá tại vùng đất Thuận Hóa. Qua đó, ta cũng nhận diện được tư tưởng hành đạo của Thiền phái Liễu Quán đã được Việt hóa và tách khỏi hệ thống truyền thừa Thiền phái Lâm Tế được xuất phát từ Phật giáo thiền Trung Hoa.

4.1. Về giá trị truyền đăng tục diệm

Khảo sát 28 bài phú pháp trong *Phổ Tịnh Hòa thượng pháp tự* 譜淨和尚法圖 của Tổ Đạo Minh, ta thấy tổ đã thu tóm tư tưởng triết lý thiền trong lộ trình chứng ngộ đạt đạo để truyền trao cho đệ tử. Mỗi bài phú của Tổ đều dựa trên sự tu chứng của mỗi đệ tử mà phú pháp riêng cho từng người. Cũng có thể hiểu đó là sự tiếp nối tư tưởng của Tổ Liễu Quán “Đạt ngộ chân không” xuất phát từ bài kệ truyền phái Thiết tế đại đạo lập tông của ngài như là tôn chỉ, phương thức tu hành để làm hiển lộ thật tánh viên dung, kiến tánh thành Phật.

Về hình thức truyền đạt tôn chỉ, cốt tủy thiền các bài phú pháp được Tổ Đạo Minh viết bằng văn vần dễ nhớ, dễ thuộc khắc sâu trong tâm trí để hành, được gọi là thi kệ truyền pháp. Điểm đáng nói, mỗi bài phú pháp của Tổ Đạo Minh có nội dung riêng biệt, đều được viết bằng thể ngũ ngôn, nhưng được chuyển tải toàn bộ nội dung tư tưởng, về lộ trình tu tập và khát ngưỡng đèn thiền sáng tỏ mãi mãi. Đơn cử như bài phú pháp đầu tiên Tổ Đạo Minh phú pháp cho ngài Tánh Tuệ - Nhất Nguyên:

Nhất nguyên thọ pháp tiên

Tâm địa phát hoa viên

Đạo minh truyền tâm pháp

Tuệ đăng chiếu mãn thiên

Bài 1

Câu đầu tiên bài phú pháp, tổ đã xác lập ngài Tánh Tuệ - Nhất Nguyên là người đệ tử đầu tiên đặc pháp 一元壽法先 *Nhất nguyên thọ pháp tiên* (Người thọ pháp đầu tiên). Câu thứ hai, ta thấy diễn trình tu chứng của người học trò đạt được yếu chỉ thiền là *Tâm địa phát hoa viên* 心地發花園 (Tâm địa mở hoa viên). Rõ ràng, yếu chỉ thiền là mỗi người tu thiền cần chứng đạt “tâm địa” để truyền bá chánh pháp nhân tạng. Tư tưởng này ta thấy được lý giải trong kinh *Tâm địa quán* 心地觀: “Các pháp thiện ác, ngũ thú, hữu học, vô học, độc giác, Bồ tát, Như lai đều từ nơi tâm sinh khởi, cũng như các loại ngũ cốc và ngũ quả đều từ đất mọc lên, cho nên gọi là tâm địa”¹⁴. Như vậy, tâm địa là bản nguyên các pháp. Hơn nữa, cốt tủy kinh *Lãng Nghiêm* từng nói “tâm địa bản nguyên”, tâm địa chính là bản nguyên các pháp, mỗi khi người tu đạo mà khai thông tâm địa, trí tuệ giác ngộ tự nhiên xuất hiện. Đó chính là thông điệp mà Tổ truyền trao cái đạo sáng mà ngài Tánh

Tuệ - Nhất Nguyên cần lãnh hội. Bất cứ ai cũng có thể tự tu, tự chứng đạt đạo lý nhiệm mầu thiên tông *Đạo minh truyền tâm pháp*, *Tuệ đăng chiếu mãn thiên*.

Theo thiên sử thì đức Phật Thích Ca là người thầy đầu tiên phú pháp *Niêm hoa vi tiếu* cho Ca Diếp. Trong *Phổ pháp tạng nhân duyên truyện* đã nói rõ về 28 đời vị tổ được truyền pháp. Kế thừa pháp truyền đăng này, Tổ Đạo Minh đã phú pháp cho 28 đệ tử được ghi trong *Hàm Long sơn chí*, phần *Phổ Tịnh Hòa thượng pháp tự*. Mục đích phú pháp của Tổ Đạo Minh cho từng đệ tử là tổ ước nguyện truyền đạt cốt tủy thiên tông trên nền tảng giáo lý đại thừa từ các bản kinh *Lăng Già* 楞伽, *Hoa Nghiêm* 華嚴, *Kim cang bát nhã*, 金剛般若 *Viên giác* 圓覺, *Pháp Hoa* 法華... Các đệ tử lấy đó làm kim chỉ nam mà truyền bá chánh pháp nhân tạng trong hành tiếp tăng độ chúng, duy trì mạng mạch thiên tông.

Quá trình tự chứng tự nội của một hành giả đắc pháp thiên được Tổ Đạo Minh phú pháp cho ngài Tánh Tâm - Nhất Tri, đệ tử thứ hai của Tổ được bắt đầu giác tỉnh nội quán thân tâm thanh tịnh, hướng đến “nội ngoại quảng vô biên” tâm cảnh nhất như. Đó là cốt lõi đạo thiên để truyền trao chánh pháp mà tổ trao:

Nhất tri tịnh thanh thiên

Nội ngoại quảng vô biên

Tâm pháp viên chánh niệm

Kế tổ thị an nhiên.

Bài 2

Tương tự, bài phú chúc thứ sáu Tổ truyền cho ngài Tánh Chiêu - Nhất Niệm cũng không ngoài việc khai tâm, mở trí là nhờ sự quán chiếu nội tâm “Nhất niệm tâm thường viên, Tâm pháp bốn thanh thiên” qua 2 câu đầu của bài phú pháp. Theo triết lý thiên từ bản kinh *Lăng già*

và *Bát nhã* thì tâm chính là: “Phù tâm giả, chúng pháp chi nguyên tạng” 夫心也衆法之原藏 (tâm là kho tàng căn bản của các pháp). Rõ ràng, Tổ Đạo Minh đã truyền trao cốt tủy thiên đại thừa về cái tâm nguyên nguyên, là chân như của vạn pháp vũ trụ. Vấn đề còn lại là người kế thừa ngọn đèn chánh pháp làm sao cho “Quang huy vĩnh lưu truyền”:

Nhất Niệm tâm thường viên

Tâm pháp bốn thanh thiên

Tổ đạo truyền pháp ấn

Quang huy vĩnh lưu truyền.

Bài 3

Bài phú chúc của tổ cho ngài Tánh tình - Nhất Xương, đệ tử 26 của tổ cũng nói tiến trình tu tập mang tinh thần tiệm tiến giống quan điểm của Thần Tú. Đó là sự giác tỉnh, thường xuyên quét sạch bụi trần để tâm trong sáng như gương không còn nhơ bấn. Tâm trở nên thanh tịnh đi vào thế giới Quang Minh tạng, tức thế giới chân không diệu hữu. Nếu Thần Tú nói: “Thân thị Bồ đề thọ, Tâm như minh kính đài. Thời thời cần phát thức, Vật sử nhá trần ai 身是菩提樹, 心如明鏡臺。時時勤拂拭, 勿使惹塵埃”。(Thân như cây bồ-đề, Tâm như đài gương sáng. Luôn luôn phải lau chùi, Chớ để dính bụi nhơ)¹⁵ thì Tổ Đạo Minh dạy cho ngài Tánh tình - Nhất Xương:

Nhất Xương pháp quang minh

Trần tảo cảnh trùng viên

Tục diệm truyền Phú chúc

Như nguyệt ẩn không thiên.

Bài 4

Cũng thế, bài phú chúc cho ngài Tánh Nghi - Nhất Thành và Tánh Tuệ - Nhất Chân là đệ tử thứ 27 và 28 của Tổ đều có nội dung tư tưởng như thế. Bước vào thế giới thiên là bước vào cửa không, ở đó nội

tâm hành giả cần thanh tịnh, tâm cảnh nhất như mà thăng chứng tuệ giác, kiến tánh thành Phật, làm sáng ngọn đèn thiền lưu truyền mãi mãi:

Và
Nhất Thành thông lý toàn
Trùng ma khí tượng viên
Hà đảm chư Phật tổ
Tâm nguyệt chiếu cô thiên.

Bài 5

Nhất Chân thọ pháp truyền
Nội ngoại bốn như nhiên
Phù trì chư Phật tổ
Kế tục vĩnh miên miên.

Bài 6

Tóm lại, tư tưởng hành đạo của Tổ Đạo Minh là nhất quán xuyên suốt qua 28 bài phú pháp cho các đệ tử trong tiến trình truyền đăng tục diệm, góp phần Thiền phái Liễu Quán phát triển và lan tỏa. Tư tưởng của Tổ Đạo Minh chính là sự kế thừa từ tư tưởng của Tổ khai sáng Liễu Quán, được xây dựng trên nền tảng triết lý thiền tông, xuất phát từ hệ kinh điển Đại thừa như đã nói trên. Là quá trình tu tập tự chứng tự nội, khởi đầu bằng sự tỉnh giác, chánh niệm quán chiếu nội tâm qua quá trình hành trì giới định tuệ, thể tướng tánh viên dung mà kiến tánh thành Phật, làm sáng tỏ ngọn đèn Chánh pháp mãi mãi.

4. 2. Về giá trị văn chương

Từ điểm nhìn văn học và mỹ học thiền, ta thấy mỗi bài phú pháp của Tổ Đạo Minh là mỗi tác phẩm văn học thiền tông Việt Nam. Các bài phú pháp đều có nội dung tư tưởng và hình thức biểu đạt thể giới chứng đạt đạo thiền.

Các bài phú pháp được diễn trình dưới thể loại văn học Phật giáo là thi kệ, nó được xuất phát từ thể loại kệ, một

trong 12 thể tài trong hệ thống kinh điển Phật giáo, thường là tóm tắt cốt tủy giáo lý mà Phật đã giảng dạy cho các đệ tử. Theo đó, Tổ Đạo Minh đã phú pháp cho các đệ tử được diễn trình qua từng thi phẩm dành riêng cho mỗi người. Thế nên, câu đầu tiên của mỗi bài đều bắt đầu xưng danh pháp hiệu của đệ tử như: Nhất Nguyên, Nhất Tánh... Có thể nói mỗi bài phú pháp thi kệ của tổ đều được xuất phát từ cảm hứng bản thể giải thoát, tự chứng tự nội trong hành trình chứng đạt tâm linh và thăng chứng tuệ giác của mình. Phật giáo là tôn giáo có hệ thống Tam tạng kinh điển vĩ đại nhất so với các tôn giáo trên thế giới. Đây chính là cơ sở được xác lập nền văn học Phật giáo từ nội dung cho đến hình thức thể hiện.

Trong ý nghĩa đó, Tổ Đạo Minh đã diễn đạt tiến trình tu tập, chứng đạt nguyên lý và sự vận hành của vạn pháp, sự lĩnh hội thế giới tự chứng, tự nội qua 28 thi phẩm của mình. Điều lý thú là chúng được trình bày bằng những hình ảnh khá bóng bẩy, sinh động và giàu sắc thái nghệ thuật. Điều này là có cơ sở, bởi vì các nhà mỹ học chỉ ra rằng chính các trước tác kinh điển là “ngọn nguồn vô tận để khơi gợi cảm hứng sáng tác”¹⁶. Mặt khác, “ngoài giá trị gợi ý khuynh hướng sáng tác, các trước tác kinh điển còn để lại cho văn học đời sau một số hình tượng nghệ thuật trở thành nguồn thi liệu giúp cho nhà thơ, nhà văn sáng tác”¹⁷.

Đọc lại 28 bài phú pháp, mỗi bài đều phản ánh khá sinh động, hấp dẫn về thế giới bản thể giải thoát đối với người đọc. Việc quy định các thể loại thi kệ phú pháp mà tổ trước tác cũng phản ánh sự cảm thức sâu lắng trong tiến trình tu tập giải thoát qua nguyên lý *Duyên sinh vô ngã, chân không diệu hữu nhiệm mầu*. Chẳng

hạn, khi đọc bài phú pháp truyền đăng cho ngài Tánh Khai - Nhất Đắc, tổ Đạo Minh khắc họa:

*Nhất Đắc tâm pháp không
Tâm pháp bốn hư không
Nguyên không giai thị Phật
Kế thế phụng tổ tông.*

Bài 7

Đề cập vấn đề này, tác giả Nguyễn Hữu Sơn trong bài viết *Quan niệm về bản thể ở bộ phận “tàng trữ thi ca”* trong *Thiền uyển tập anh* cho rằng: “Xem xét bộ phận thơ ca được tàng trữ trong *Thiền uyển tập anh* nói riêng - trong toàn bộ triết học và văn học Phật giáo nói chung - vấn đề “bản thể” thường xuyên được đặt ra và giữ vị trí trọng yếu. Điều này thể hiện trước hết bởi nó liên quan trực tiếp đến nhận thức, cách hiểu và giải thích thế giới (vật chất, hiện tượng, tâm linh...) và cuối cùng là chính các biện pháp nghệ thuật, các hình thức thể hiện in đậm sắc thái thi ca - triết học Phật giáo về vấn đề bản thể”¹⁸.

Từ các điểm nhìn nói trên, cảm hứng bản thể giải thoát, tự chứng, tự nội khi đi vào thi phẩm của Tổ Đạo Minh như bức tranh hiện thực cuộc sống có nhiều đường nét chấm phá, với nhiều gam màu lung linh huyền diệu. Do đó, hành trình trở về bản thể giải thoát được giải trình bằng một ngôn ngữ, giọng điệu, cách biểu đạt, thi liệu mang tính hiện thực với bút pháp nghệ thuật cao để hấp dẫn người đọc. Vì thế, các bài phú pháp của Tổ Đạo Minh không còn thuần túy là cuộc diễn trình độc thoại giữa thầy và trò “dĩ tâm truyền tâm” nói về hình ảnh bản tâm, chân tâm thuần tịnh mà thay vào đó là các hình tượng hoá mang sắc thái thi ca nghệ thuật để phổ cập quần chúng. Đọc bài phú pháp cho ngài Tánh Nhiệm - Nhất Ngộ thì hình

ảnh *Nhất điểm quang vô biên, Diệu dụng chiếu mãn thiên* (một điểm tỏa muôn nơi, Vì diệu sáng khắp nơi) cho ta thấy thế giới Hoa Nghiêm trùng trùng duyên khởi, hiện hóa giữa bầu trời chân không diệu hữu, một là tất cả, tất cả là một. Đó là diệu dụng của thế tánh nhất như mà người đạt ngộ đạo thiền phô diễn trong văn thơ của thi kệ:

*Nhất điểm quang vô biên
Diệu dụng chiếu mãn thiên
Viên minh hồi quang chiếu
Kế tổ vĩnh lưu truyền.*

Bài 8

Rõ ràng, tác giả là Tổ sư Đạo Minh đã có một sự thay đổi cách nhìn trong cảm quan thiền học, tạo ra hướng tư duy thâm mỹ về bản thể giải thoát. Nếu bài phú pháp tổ nói cho ngài Tánh Nhậm - Nhất Điểm là bằng hình ảnh *Nhất điểm quang vô biên* như một nét chấm phá trong bức tranh giải thoát nhiệm màu của hư không bao la thì đến ngài Tánh Thông - Nhất Trí thì Tổ Đạo Minh phô diễn trong cái vũ trụ bao la, hư không của trời đất dung chứa một điểm bao trùm tất cả “Hư không trang nhất điểm”. Đây là sự diệu dụng của pháp giới viên dung từ trong suối nguồn thẳng chứng tuệ giác mà người tu thiền đạt được để làm cho ngọn đèn chánh pháp nhân tạng sáng rực mãi mãi:

*Nhất Trí thể viên minh
Tâm pháp bốn như nhiên
Hư không trang nhất điểm
Kế tổ vĩnh lưu truyền.*

Bài 13

Trên bình diện tổng thể, ta thấy các bài phú pháp của Tổ Đạo Minh kệ tóm thâu ý Phật pháp cũng là yếu chỉ thiền tông, bài nào cũng hay và khá giàu hình

tượng nghệ thuật với việc sử dụng thi liệu từ suối nguồn kinh điển Đại thừa mang phong vị bản thể giải thoát của thiền. Chẳng hạn, bài phú pháp của Tổ Đạo Minh trao cho ngài Tánh Tuệ - Nhất Chất rằng trong cái thế giới hiện thực đầy biến động đa sắc màu này không phải ngẫu nhiên mà con người chìm đắm trong vô minh tăm tối. Tất cả do đam mê dục vọng, mà tạo nên nghiệp nhân nghiệp quả khác nhau. Giữa phàm phu tục tử và Phật tử Thánh hiền đều bình đẳng về mặt giải thoát. Người mê thì phàm phu tục tử, người ngộ là Phật tử thánh hiền. Cho nên, Tổ mới nói “*Phật tâm pháp vô dị, Ngộ liễu tục tử tông*” trong suối nguồn *Bát nhã tâm kinh*:

Nhất Chất sắc hư không

U ám tất giai thông

Phật tâm pháp vô dị

Ngộ liễu tục tử tông.

Bài 22

Như vậy, giữa Phật và chúng sinh, sinh tử và Niết bàn, phiền não và Bồ đề có đối đãi chỉ là do tâm sinh, bắt đầu từ việc khởi lên cái nhìn có vọng kiến sai lầm. Người học đạo cần phải nỗ lực tu tập, tự tỉnh giác để tìm về bản tâm thanh tịnh vốn có. Nói theo ngôn ngữ của kinh *Kim cang Bát nhã* là “*Vô sở tùng lai diệt vô sở khứ*”, đây chính là như con đường về với thế giới nhất như, chân không diệu hữu mà con người cần đạt ngộ. Thế nên, Tổ Đạo Minh mới vang lên pháp âm thiền cho ngài Tánh Lạc - Nhất Như:

Nhất Như lai tâm pháp

Vạn pháp duy tâm sanh

Phật tử truyền Phú pháp

Tục diệm vĩnh phương danh.

Bài 19

Khi đi vào chi tiết cụ thể của từng tác phẩm thi kệ của Tổ Đạo Minh thì hành trình tìm về bản thể giải thoát càng được thi hoá mang tính nghệ thuật cao qua các hình ảnh sống động, lung linh huyền ảo và thật gần gũi. Từ hình ảnh ánh trăng soi chiếu dòng sông, con thuyền lướt sóng, cho đến hạt châu ma ni lấp lánh hay gương soi huyền diệu... Tất cả như tạo nên dòng mạch cảm hứng mới rọi chiếu bản thể giải thoát, khiến người đọc dễ nắm bắt và cảm thụ một cách sâu lắng.

Ai từng đọc kinh Phật thì sẽ thấy hình ảnh ánh trăng bừng sáng như rọi chiếu khắp mọi không gian bao la của vũ trụ, con người cảm nhận vẻ đẹp của trăng mà hằng sống với bản tính thanh tịnh huyền diệu của mình: “Thế nhân tính tịnh, do như thanh thiên, Tuệ như nhật, Trí như nguyệt, Trí tuệ thường minh” (Tính của thế nhân thanh tịnh, như trời quang tịnh, Tuệ như mặt trời, Trí như mặt trăng, Trí tuệ thường minh). Trăng trở thành hình ảnh biểu trưng cho trí tuệ Bát nhã thường nhiên của chân tâm người đạt đạo “Trí giả do như nguyệt chiếu thiên/ Người trí tự tại, tự do như ánh trăng trời cao.”¹⁹. Trăng hồn nhiên, lặng lẽ bước vào thế giới thi ca của Tổ Đạo Minh khiến người đọc có cảm giác như đi giữa không gian ngập tràn ánh trăng. Trăng xuất hiện đến 7 lần trong 28 bài phú pháp thi kệ của tổ. Trăng trở thành suối nguồn của cảm hứng triết lý bản thể giải thoát và cảm hứng ngợi ca bản thể giải thoát. Trăng gợi lên cái tự tính thường nhiên, tịch tĩnh sáng trong, rọi chiếu tất cả. Trăng trở thành hình tượng nghệ thuật sinh động, đầy gợi cảm.

Ta hãy chiêm nghiệm vẻ đẹp ánh trăng bản thể diệu kỳ của thi nhân thiền: “*Nhất nguyệt diệu vô biên, Quang minh chiếu mãn thiên* (Ánh trăng đẹp vô cùng, Trăng sáng chiếu trời không) trong

bài phú pháp cho ngài Tánh Chiếu - Nhất Nguyệt:

*Nhất nguyệt diệu vô biên
Quang minh chiếu mãn thiên
Thiệt long chân Phật tử
Chiêu chương vạn cổ truyền.*

Bài 3

Trăng tiếp tục đi vào thế giới tự chứng tự nội mà ngài Tánh Thiên - Nhất Định “*Hư không nguyệt mãn viên*” (Trăng tỏ đầy chẳng voi), đó là ánh trăng tròn đầy biểu trưng cho pháp giới viên dung, con người và vạn vật là nhất như, cho nên tổ ngân nga pháp âm chân tâm thường trụ:

*Nhất Định chiếu quang minh
Hư không nguyệt mãn viên
Tổ tổ truyền Phú chúc
Đạo Minh kế Tánh Thiên.*

Bài 4

Hình ảnh nhật nguyệt chiếu sáng soi đi vào thi ca thiên tông thường được biểu đạt cho phương tiện chiếu sáng bản thể chân như nhiệm màu trong trời đất bao la. Đó là một thể chiếu tròn đầy “*Nhất thể chiếu viên minh*” mà Tổ Đạo Minh mở ra cái nhìn tuệ giác cho ngài Tánh Toàn - Nhất Thể thấy rõ sự diệu dụng của yếu chỉ thiên:

*Nhất thể chiếu viên minh
Nhật nguyệt chánh trung thiên
Tục diện truyền đăng Phú
Tổ đạo vĩnh lưu truyền.*

Bài 5

Và như thế, ánh trăng soi sáng chân tâm con người giữa không gian vô cùng, thời gian vô tận. Trăng chiếu soi bóng vạn vật, soi bóng dòng sông phẳng lặng, biển cả trùng dương và cả con người trong cõi “sắc không” nhiệm màu của trần thế. Con người an nhiên cập bến bờ giải thoát như Tổ Đạo Minh phát họa hình ảnh trăng “*Như nguyệt ẩn không thiên*” cho ngài

Tánh Tĩnh - Nhất Luận:

*Nhất Luận đại nhân duyên
Vạn pháp quy nhất viên
Phật tổ truyền Phú chúc
Như nguyệt ẩn không thiên*

Bài 15

Sự nhiệm màu đó nằm ở ngay cảnh giới thực tại bụi trần để hằng sống với tự tính uyên nguyên bao la của trời đất. Vì thế, cảm thức giải thoát của thi nhân thiên - Đạo Minh cứ tiếp tục trào dâng với những hình ảnh an nhiên tự tại, trăng chiếu trời trong xuyên qua từng tầng mây trắng tuyết đẹp “*Tâm nguyệt chiếu bạch vân*” mà Tổ đã khắc họa cho ngài Tánh Tường tự Nhất Đoan quán chiếu nội tại:

*Nhất Đoan khí tượng tân
Tâm nguyệt chiếu bạch vân
Tục diện truyền Phú chúc
Minh đăng phụng tổ tông.*

Bài 16

Cũng cung bậc ấy, Tổ Đạo Minh lại khắc họa ánh trăng ẩn hiện giữa trời đất bao la “*Như nguyệt ẩn không thiên*” cho ngài Tánh Tĩnh - Nhất Xương như tổ Đạo Minh từng khắc họa cho ngài Tánh Tĩnh - Nhất Luận. Nhưng ánh trăng trong bài phú pháp cho ngài Tánh Tĩnh - Nhất Xương là soi sáng tâm thức con người, nỗ lực quét sạch bụi trần thế. Cũng như tám gương soi có chức năng phản chiếu hình ảnh con người, nó cần phải lau chùi để thấy rõ chân dung người soi:

*Nhất Xương pháp quang minh
Trần tảo cảnh trùng viên
Tục diện truyền Phú chúc
Như nguyệt ẩn không thiên.*

Bài 26

Đó cũng là ánh sáng chân như huyền diệu để thấy rõ bản thể giải thoát mà con người cần lãnh hội. Tổ Đạo Minh lại họa ra bức tranh thiên tập tự chứng tự nội như

là cuộc hành trình bước ra ngoài thế giới trần tục đầy bụi bặm. Cũng như gương sáng cần phải lau chùi sạch sẽ mới thấy chân hình của mình. Trong ý nghĩa đó mà tổ Đạo Minh đã soi chiếu ánh trăng *Tâm nguyệt chiếu cô thiên* cho ngài Tánh Nghi tự Nhất Thành:

Nhất Thành thông lý toàn

Trùng ma khí tượng viên

Hà đàm chư Phật tổ

Tâm nguyệt chiếu cô thiên.

Bài 27

Bằng cảm hứng bản thể giải thoát, tự chứng tự nội, Tổ Đạo Minh đã trước tác 28 bài phú pháp dưới hình thức thi kệ ngũ ngôn bằng chữ Hán với những vần thơ đầy hương vị giải thoát, thấy rõ bản tính thường nhiên với đôi mắt “kiến tính” thật nhẹ nhàng thi vị như thúc giục con người hướng về thế giới thiền tông tràn đầy an lạc.

5. Lời kết

Kể từ khi Thiền phái Liễu Quán ra đời, theo dòng chảy của thời gian đã lan tỏa khắp mọi nơi và đi vào tâm thức người dân nước Việt. Trong sự truyền đăng tục diệm, Thiền sư Đạo Minh - đệ tử thế hệ thứ tư của Tổ Liễu Quán trở thành bậc long tượng, nổi gót tông phong, dẫn thân phụng đạo, đào tạo tăng tài, thu nhiếp tín đồ tại gia hộ đạo, chấn hưng Phật giáo Thuận Hóa.

Dấu ấn tư tưởng hành đạo rõ nét nhất của Tổ sư Đạo Minh là để lại di sản 28 bài thi kệ phú pháp cho hàng đệ tử không chỉ có giá trị truyền đăng tục diệm mà còn đóng góp cho nền văn học thiền tông Việt Nam qua từng tác phẩm thi kệ phú pháp truyền thừa.

Con cháu kế thừa Tổ Đạo Minh đã làm cho Thiền phái Liễu Quán trở thành một trong những Thiền phái nòng cốt, có

đóng góp lớn cho sự phát triển Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử./.

T.P.Đ

Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Thích Trung Hậu - Thích Hải Ấn (2010), *Chư tôn thiên đức Phật giáo Thuận Hóa*, NXB. Văn hóa Sài Gòn, TP.HCM, tr.128.

2. Minh Chi (1995), “Tôn giáo học”, phần 1, *Lý thuyết tôn giáo*, Học viện Phật giáo Việt Nam, Tài liệu lưu hành nội bộ, tr.33.

3. Bài văn bia này được Hoà thượng Thiện Kế, xưng là “người cháu trong đạo” của Tổ Liễu Quán, đang hành đạo ở chùa Tang Liên, Phúc Kiến Trung Quốc viết. Bản dịch do Hoà thượng Thích Thiện Siêu thực hiện.

4. Thích Phước Sơn dịch và chú giải (1995), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam xuất bản, tr.42.

5. Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, trọn bộ 3 tập, NXB. Văn học, tr. 461.

6. Thích Trung Hậu - Thích Hải Ấn, (2010), tldđ.

7. Xem Hà Xuân Liêm (2000), *Những ngôi chùa Huế*, NXB. Thuận Hoá, Huế, tr.170-171.

8. Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tldđ, tr.683.

9. Nguyễn Văn Thành, Vũ Trinh, Trần Hựu, *Hoàng Việt luật lệ*, (bản dịch, 1994), NXB. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tập 2, tr.276.

10. Nguyễn Hiền Đức (2002), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, NXB. TP. Hồ Chí Minh, tr.244.

11. Thích Minh Cảnh (2003), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, tập 2, NXB. TP. Hồ Chí Minh, tr.1713.

12. Trích dẫn *Ca dao thông thường*.

13. Bức kinh đề danh hiệu chư Tổ sư đang thờ tại chùa Sắc tứ Linh Quang, làng Trung Kiên, Quảng Trị.

14. Dẫn theo Nguyễn Lang (1974), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, NXB. Lá Bối, Sài Gòn, tr.165.
15. Trích dẫn *Kinh Pháp Bảo đàn 法寶壇經* (Đoàn Trung Còn Nguyễn Minh Tiến việt dịch và chú giải, (2019), NXB. Liên Phật hội, tr. 25.
16. Trích dẫn Nguyễn Công Lý, *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm*, NXB. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr.166.
17. Nguyễn Công Lý, *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm*, NXB. NXB. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 166.
18. Nguyễn Hữu Sơn (1998), “Quan niệm về bản thể ở bộ phận “Tàng trữ giá trị thi ca” trong Thiền uyển tập anh”, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 2, tr.25.
19. Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần*, tập 1, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.482.
20. Thích Hải Ấn - Hà Xuân Liêm (2001), *Phật giáo xứ Huế*, NXB. TP. Hồ Chí Minh.
21. Thích Phước Đạt (2013), *Giá trị Văn học trong tác phẩm Thiền phái Trúc Lâm*, NXB. Hồng Đức.
22. Thích Phước Đạt (2022), *Văn hóa Phật giáo Việt Nam: Tiếp biến và hội nhập*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Nguyễn Hiền Đức (1993), *Phật giáo Đàng Trong*, NXB. TP. Hồ Chí Minh.
24. Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
25. *Hàm Long sơn chí* (含龍山誌), bản chữ Hán lưu trữ tại Thư viện chùa Từ Đàm.
26. *Lịch truyện tổ đồ*, (歷傳祖圖) bản chữ Hán lưu trữ tại chùa Thiên Hòa, Huế.
27. *Trung Kiên thôn Linh Quang tự bi ký/ 中堅村靈光寺碑記*. Tư liệu tại chùa Từ Đàm
28. *Sắc tứ Lâm Tế chánh tông, đệ tam thập ngũ thế, Liễu Quán Hoà thượng, thụy Chánh Giác Viên Ngộ Hoà thượng bi minh/ 勅賜臨濟正宗第三十五世了觀和尚諡正覺圓悟和尚碑銘*.